

BỘ GIAO THÔNG VẬN
TẢI

Số: 22/2008/QĐ-BGTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tư vấn giám sát thi công xây dựng
công trình trong ngành giao thông vận tải**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22/4/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông Vận tải;

Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định 112/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP.

Căn cứ Nghị định 209/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng và Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng và chất lượng CTGT,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này: “Quy chế tư vấn giám sát xây dựng công trình trong ngành giao thông vận tải”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 1562/1999/QĐ-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 1999 của Bộ trưởng

Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành “Quy chế tư vấn giám sát xây dựng công trình trong ngành giao thông vận tải”.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Chánh thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng và chất lượng công trình giao thông, Cục trưởng các Cục Quản lý chuyên ngành thuộc Bộ, Giám đốc các Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

BỘ TRƯỞNG

(Đã ký)

Hồ Nghĩa Dũng

QUY CHẾ

Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình trong ngành giao thông vận tải

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 22/2008/QĐ-BGTVT ngày 20 tháng 10 năm 2008
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

Chương 1.

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định hoạt động tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, được áp dụng thống nhất đối với tất cả các dự án đầu tư xây dựng công trình trong ngành giao thông vận tải có nguồn vốn từ Ngân sách Nhà nước.

Khuyến khích áp dụng Quy chế này đối với các dự án có nguồn vốn khác.

2. Đối tượng áp dụng

a) Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động dịch vụ tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình trong ngành giao thông vận tải.

b) Các tổ chức giám sát do chủ đầu tư thành lập để tự thực hiện giám sát thi công xây dựng công trình, thực hiện theo các quy định cụ thể trong Quy chế này, phù hợp với vai trò, chức năng và nhiệm vụ được giao.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tư vấn giám sát* là hoạt động dịch vụ tư vấn, thực hiện các công việc quản lý, giám sát quá trình thi công xây dựng công trình theo hợp đồng với chủ đầu tư.

2. *Tổ chức tư vấn giám sát* là nhà thầu thực hiện việc tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình theo hợp đồng ký kết với chủ đầu tư.

3. *Cá nhân tư vấn giám sát* là người thuộc tổ chức tư vấn giám sát hoặc người hành nghề độc lập về tư vấn giám sát.

4. *Tổ chức tư vấn thiết kế xây dựng công trình* là nhà thầu thực hiện khảo sát, thiết kế kỹ thuật (trong thiết kế 3 bước) hoặc khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công (trong thiết kế 1 bước, 2 bước) làm căn cứ lập hồ sơ mời thầu thi công xây dựng công trình theo hợp đồng với chủ đầu tư.

5. *Nhà thầu thi công xây dựng công trình* (sau đây gọi là nhà thầu) là tổ chức thực hiện công tác thi công xây dựng công trình theo hợp đồng ký kết với chủ đầu tư.

6. *Chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình* (của cá nhân) là giấy xác nhận năng lực hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình, được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định (sau đây gọi là chứng chỉ).

Điều 3. Lựa chọn nhà thầu tư vấn giám sát

Các tổ chức tham gia thực hiện công tác tư vấn giám sát thi công các dự án xây dựng công trình trong ngành giao thông vận tải, phải thông qua lựa chọn theo hình thức đấu thầu hoặc chỉ định thầu theo các quy định hiện hành.

Chương 2.

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THAM GIA TƯ VẤN GIÁM SÁT

Điều 4. Nhiệm vụ của tổ chức tư vấn giám sát

Tổ chức tư vấn giám sát có nhiệm vụ: bố trí nhân sự đủ điều kiện năng lực theo quy định và trang thiết bị, dụng cụ cần thiết cho công tác tư vấn giám sát: tổ chức các văn phòng tư vấn giám sát tại hiện trường phù hợp với quy mô, yêu cầu của từng dự án, công trình (đối với dự án xây dựng giao thông, xem Phụ lục – Mô hình tổ chức văn phòng tư vấn giám sát đối với dự án xây dựng giao thông); thực hiện các nhiệm vụ về quản lý chất lượng, quản lý tiến độ thi công, quản lý khối lượng và giá thành xây dựng công trình, quản lý an toàn lao động và vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình. Cụ thể như sau:

1. Quản lý (kiểm soát) chất lượng

a) Kiểm tra, soát xét lại các bản vẽ thiết kế của hồ sơ mời thầu, các chỉ dẫn kỹ thuật, các điều khoản hợp đồng, đề xuất với chủ đầu tư về phương án giải quyết những tồn tại hoặc điều chỉnh cần thiết (nếu có) trong hồ sơ thiết kế cho phù hợp với thực tế và các quy định hiện hành;

b) Rà soát, kiểm tra tiến độ thi công tổng thể và chi tiết do nhà thầu lập, có ý kiến về sự phù hợp với tiến độ thi công tổng thể; có kế hoạch bố trí nhân sự tư vấn giám sát cho phù hợp với kế hoạch thi công theo từng giai đoạn;

c) Căn cứ hồ sơ thiết kế, các chỉ dẫn kỹ thuật đã được duyệt trong hồ sơ mời thầu, các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn ngành, tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành được áp dụng cho dự án, thực hiện thẩm tra bản vẽ thi công do nhà thầu lập và trình chủ đầu tư phê duyệt;

d) Căn cứ các hồ sơ thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công đã được phê duyệt, các quyết định điều chỉnh, để thẩm tra các đề xuất khảo sát bổ sung của nhà thầu, có ý kiến trình chủ đầu tư quyết định; thực hiện kiểm tra, theo dõi công tác đo đạc, khảo sát bổ sung của nhà thầu; kiểm tra, soát xét và ký phê duyệt hoặc trình chủ đầu tư phê duyệt các bản vẽ thiết kế thi công, biện pháp thi công của những nội dung điều

chính, bổ sung đã được chủ đầu tư, ban quản lý dự án chấp thuận, đảm bảo phù hợp với thiết kế trong hồ sơ mời thầu;

đ) Kiểm tra các điều kiện khởi công xây dựng công trình theo quy định tại Điều 72 của Luật xây dựng;

e) Kiểm tra về nhân lực, thiết bị thi công của nhà thầu thi công xây dựng công trình đưa vào công trường; xác nhận số lượng, chất lượng máy móc, thiết bị (giấy chứng nhận của nhà sản xuất, kết quả kiểm định thiết bị của các tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận) của nhà thầu chính, nhà thầu phụ theo hợp đồng xây dựng hoặc theo hồ sơ trúng thầu; kiểm tra công tác chuẩn bị tập kết vật liệu (kho, bãi chứa) và tổ chức công trường thi công (nhà ở, nhà làm việc và các điều kiện sinh hoạt khác);

g) Kiểm tra hệ thống quản lý chất lượng nội bộ của nhà thầu: hệ thống tổ chức và phương pháp quản lý chất lượng, các bộ phận kiểm soát chất lượng (từ khâu lập hồ sơ bản vẽ thi công, kiểm soát chất lượng thi công tại công trường, nghiệm thu nội bộ).

h) Kiểm tra và xác nhận bằng văn bản về chất lượng phòng thí nghiệm hiện trường của nhà thầu theo quy định trong hồ sơ mời thầu; kiểm tra chứng chỉ về năng lực chuyên môn của các cán bộ, kỹ sư, thí nghiệm viên;

i) Giám sát chất lượng vật liệu tại nguồn cung cấp và tại công trường theo yêu cầu của chỉ dẫn kỹ thuật. Lập biên bản không cho phép sử dụng các loại vật liệu, cấu kiện, thiết bị và sản phẩm không đảm bảo chất lượng do nhà thầu đưa đến công trường, đồng thời yêu cầu chuyển khỏi công trường;

k) Kiểm tra, nghiệm thu chất lượng thi công của từng phần việc, từng hạng mục khi có thư yêu cầu từ nhà thầu theo quy định trong chỉ dẫn kỹ thuật. Kết quả kiểm tra phải ghi nhật ký giám sát của tổ chức tư vấn giám sát hoặc biên bản kiểm tra theo quy định;

l) Giám sát việc lấy mẫu thí nghiệm, lưu giữ các mẫu đối chứng của nhà thầu; giám sát quá trình thí nghiệm, giám định kết quả thí nghiệm của nhà thầu và xác nhận vào phiếu thí nghiệm;